

Title	KHẢO SÁT LỖI BIÊN DỊCH CỦA SINH VIÊN BỘ MÔN TIẾNG VIỆT, ĐẠI HỌC OSAKA
Author(s)	Phan, Thi My Loan
Citation	外国語教育のフロンティア. 2024, 7, p. 209-218
Version Type	VoR
URL	https://doi.org/10.18910/94996
rights	
Note	

Osaka University Knowledge Archive : OUKA

<https://ir.library.osaka-u.ac.jp/>

Osaka University

KHẢO SÁT LỖI BIÊN DỊCH CỦA SINH VIÊN BỘ MÔN TIẾNG VIỆT, ĐẠI HỌC OSAKA

A RESEARCH ON TRANSLATION ERRORS AMONG STUDENTS MAJORING IN VIETNAMESE LANGUAGE AT OSAKA UNIVERSITY

Phan Thi My Loan

Abstract

This article analyzes Japanese-Vietnamese translation errors in 6 picture stories (kamishibai) translated by twelve third- and fourth-year students majoring in Vietnamese language at Osaka University. The research results reveal that students make errors in content at both basic and advanced levels, which include errors in using incorrect grammar; translating onomatopoeias; translating metaphorical expressions; misusing demonstrative pronouns, personal pronouns, prepositions and verb phrases; mistranslating subjects and pragmatic errors. These errors mainly stem from a lack of vocabulary and grammatical knowledge, as well as the influence of linguistic patterns from the students' native language. Based on the analysis results, the author offers practical suggestions to enhance the quality of teaching and learning in subsequent translation classes.

Keywords: Biên dịch, kamishibai, lỗi, tiếng Việt

1. Dẫn nhập:

Theo Phan Thị Mỹ Loan (2020), hiện nay, chuyên ngành tiếng Việt đã có mặt tại nhiều trường đại học ở Nhật như Đại học Ngoại ngữ Kanda, Đại học Châu Á Thái Bình Dương Ritsumeikan, Đại học Waseda, Đại học Keio, Đại học J. F. Oberlin, Đại học nữ Showa, Đại học Văn hóa Daito, Cao đẳng Ngoại ngữ Kyoto (hệ đào tạo 2 năm), Cao đẳng ngoại ngữ Nhật Bản (hệ đào tạo 2 năm). Gần đây, trường Trung học Phổ thông Quốc tế Kanto cũng đưa tiếng Việt vào giảng dạy. Bên cạnh đó, những năm gần đây, người Nhật còn tìm học tiếng Việt ở các lớp học ngoại ngữ nằm rải rác trong các thành phố. Đặc biệt, từ năm 2020, đối phó với tình hình đại dịch corona lan rộng khắp nơi, có không ít người Nhật tìm đến các lớp học trên mạng. Ngày nay, người Nhật đã có thể tiếp cận với tiếng Việt ở nhiều địa điểm, nhiều phương tiện, nhiều hình thức hơn. (Phan Thị Mỹ Loan 2020:302)

Tình hình gia tăng số lượng người học tiếng Việt tại Nhật đã kéo theo sự ra đời của hai kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Việt là: “Kỳ thi đánh giá kỹ năng tiếng Việt thực hành” (实用ベトナム語技能検定試験, viết tắt là ViLT) do Hiệp hội giao lưu phổ biến ngôn ngữ Đông Nam Á – Nhật Bản (J-TAG) tổ chức lần đầu tiên vào năm 2017 và “Kỳ thi năng lực tiếng Việt quốc tế” (国際ベトナム語能力試験, International Vietnamese Proficiency Test) do Trung tâm nghiên cứu Việt Nam trường Đại học Thành Công, Đài Loan phối hợp cùng Hiệp hội văn hóa Đài-Việt sáng

lập và Vietnamese Testing Service (viết tắt là VTS) tổ chức. Cả hai kỳ thi này có số thí sinh dự thi tăng đều mỗi năm. Hiện nay, kết quả của hai kỳ thi này đang dần được các cơ quan tại Nhật như sở cảnh sát (dự đoán sau này sẽ có thêm các bệnh viên, các công ty dịch thuật) áp dụng như một tiêu chí đánh giá năng lực của phiên, biên dịch viên trong các lĩnh vực như: tư pháp, y tế, v.v.

Ở Việt Nam, thời gian gần đây xuất hiện một số bài nghiên cứu về các lỗi thường gặp trong dịch thuật ở sinh viên chuyên ngành như tiếng Anh có công trình của Nguyễn Hải Hà, Chu Thị Huyền Mi và Trần Thị Bích Ngọc (2015), tiếng Hàn có công trình của Đỗ Thủy Hằng (2018), ... nhưng vẫn chưa có nghiên cứu nào về các lỗi dịch thuật ở sinh viên người Nhật đang theo học chuyên ngành tiếng Việt tại Nhật.

2. Mục đích, đối tượng và phương pháp khảo sát:

2.1 Mục đích khảo sát:

Ở khảo sát này, chúng tôi muốn làm rõ những điểm sau:

- 1) Chỉ ra những lỗi biên dịch ở bản dịch của sinh viên,
- 2) Thử phân tích nguyên nhân phạm lỗi,
- 3) Đưa ra một số đề xuất sư phạm nhằm khắc phục các lỗi này ở sinh viên.

2.2 Đối tượng khảo sát:

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát trên 12 sinh viên của Bộ môn Tiếng Việt, Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Osaka bao gồm: 10 sinh viên năm 3 (trong đó có 1 em đã du học 6 tháng ở Hà Nội), 1 sinh viên năm 4 đã từng du học 6 tháng ở Hà Nội và 1 nhân viên phiên dịch tư pháp bên ngoài vào học dự thính. Khảo sát được tiến hành trong giờ “Thực hành văn học Việt Nam” (ベトナム文学演習 a) học kỳ xuân hè năm học 2023 từ ngày 14/4/2023 đến ngày 28/7/2023. Sinh viên năm thứ ba đã học tổng cộng 450 tiếng (150 tiết 90 phút trong năm 1 và 150 tiết 90 phút trong năm 2) tiếng Việt trước đó theo chương trình đào tạo của Bộ môn tiếng Việt và không học thêm bên ngoài. Trình độ tiếng Việt của sinh viên được đánh giá là từ cuối sơ cấp đến đầu trung cấp.

2.3 Phương pháp khảo sát:

Chúng tôi cho sinh viên dịch sang tiếng Việt sáu bản kịch giấy (kamishibai)¹ được sáng tác bằng tiếng Nhật có từ 6 đến 12 cảnh, bao gồm:

- 1) “Com nắm com nắm”² (nguyên tác là おにぎり おにぎり),
- 2) “Cây anh đào nhà bên” (となりのさくら),
- 3) “Cùng chơi trò làm mặt xấu nào” (にらめっこしましょ あっぷっぷ!),
- 4) “Đi đâu vậy nhi?” (どこへいくのかな?),
- 5) “Ếch bẹp dí” (ぺちゃんこがえる),
- 6) “Ếch phình to tướng vỡ bụng” (ぱんくがえる).

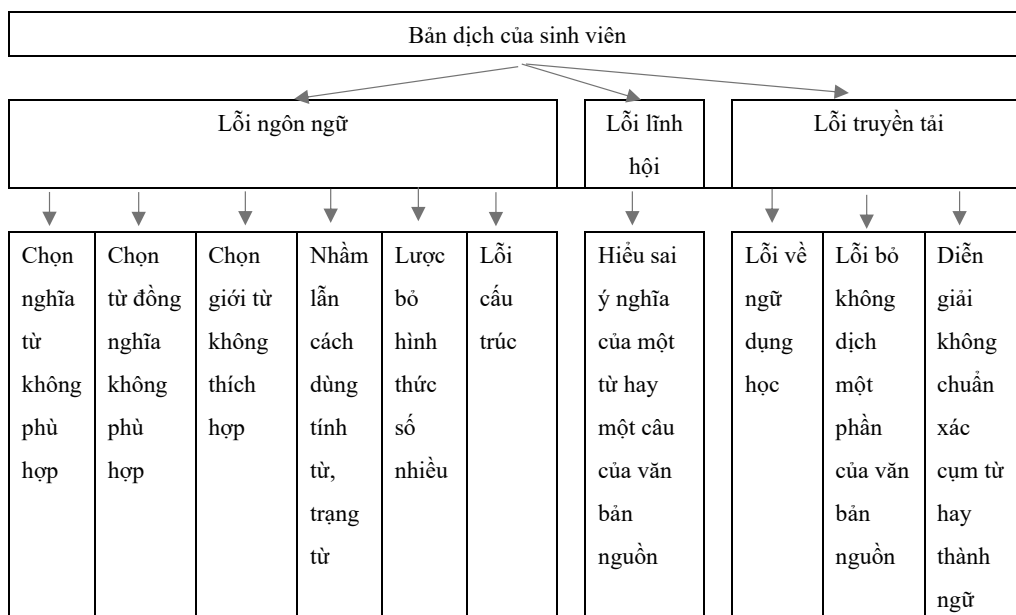
Sáu bản kịch giấy này được chia làm hai đợt dịch, mỗi đợt 3 bản và được trao cho 3 nhóm khác nhau, mỗi nhóm gồm 4 sinh viên. Để có được sự đánh giá khách quan nhất có thể, chúng tôi đã hoán đổi sinh viên ở nhóm dịch lần thứ nhất và lần thứ hai. Sinh viên ở các nhóm dịch

trao đổi với nhau để có bản dịch tốt nhất, sau đó nộp cho chúng tôi, chúng tôi gửi bản dịch đó cho nhân viên chuyên trách biên dịch của công ty MORE Production Vietnam để nhân viên này biên tập lại bản dịch. Bản dịch đã được biên tập được gửi lại cho chúng tôi. Chúng tôi và sinh viên cùng phân tích các lỗi sai trong bản dịch của sinh viên. Sau đó, chúng tôi hướng dẫn cho sinh viên cách khắc phục các lỗi sai này.

3. Các tiêu chí đánh giá bản dịch:

Nguyễn Hải Hà và các cộng sự (2015) đã phân loại các lỗi sai theo ba nhóm chính: lỗi ngôn ngữ, lỗi lĩnh hội và lỗi truyền tải như mô hình ở Bảng 1 dưới đây.

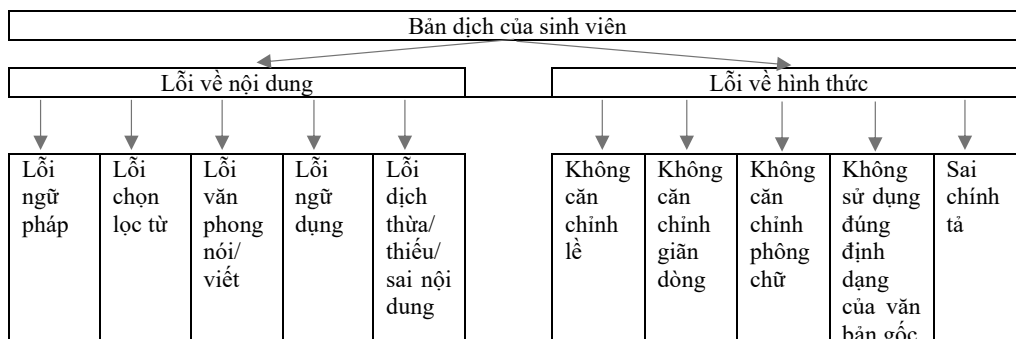
Bảng 1 Khung phân tích lỗi biên dịch của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh



Tổng hợp từ Nguyễn Hải Hà và các cộng sự (2015: 53-57)

Đỗ Thúy Hằng (2018) đã kết hợp khung phân tích lỗi biên dịch của El Zeini (1994) và khung phân tích lỗi biên dịch của Nguyễn Thị Minh Tâm và các cộng sự (2017) để xây dựng khung phân tích lỗi biên dịch của sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư của Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN theo hai tiêu chí về nội dung và hình thức như mô hình ở Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2: Khung phân tích lỗi biên dịch của sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn



Biên tập lại từ Đỗ Thúy Hằng (2018: 81)

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ muốn tập trung vào lỗi về mặt nội dung được trình bày trong Bảng 2 của Đỗ Thúy Hằng (2018). Các lỗi lĩnh hội, lỗi truyền tải được Nguyễn Hải Hà và các cộng sự (2015) đề cập cũng thuộc vào các lỗi về mặt nội dung. Còn các lỗi về mặt hình thức được Đỗ Thúy Hằng (2018) đề cập, chúng tôi bỏ qua vì cho rằng sinh viên dễ khắc phục hơn các lỗi về mặt nội dung.

4. Các lỗi biên dịch thường gặp và nguyên nhân phạm lỗi:

Dưới đây, chúng tôi trình bày các lỗi mà sinh viên phạm phải ở từng bản dịch theo thứ tự câu tiếng Nhật trong văn bản nguồn, câu dịch của sinh viên và câu dịch mẫu được người biên tập của công ty MORE Production Vietnam gợi ý.

4.1 Bản dịch “Cơm nắm cơm nắm”

Ở kịch giấy này, sinh viên phạm các lỗi sau:

4.1.1 Dịch sai từ xưng hô:

- (1) Câu trong văn bản nguồn: 「できた、できた」 (Cảnh 4)
- (1') Câu dịch của sinh viên: “Mình làm được rồi! Mình làm được rồi!”
- (1'') Câu dịch mẫu: “Cháu làm được rồi! Làm được rồi!”

Đây là lời thoại của Mana-chan (người cháu) hướng đến người bà đang hướng dẫn mình cách làm cơm nắm nên từ xưng hô phù hợp phải là “Cháu” nhưng nhóm dịch dịch sai là “Mình”.

Việc sử dụng sai này là vì từ xưng hô trong tiếng Việt phong phú hơn nhiều so với tiếng Nhật. Sinh viên dù được giới thiệu nhiều từ xưng hô khác nhau trong giờ học nhưng khi luyện tập thường chỉ dùng “Mình” khi nói chuyện với bạn cùng lớp hoặc “Em” khi trao đổi với giáo viên.

4.2 Bản dịch “Cây anh đào nhà bên”

Ở kịch giấy này, sinh viên phạm các lỗi sau:

4.2.1 Sử dụng từ xưng hô không đúng chỗ:

- (2) Câu trong văn bản nguồn: 「さだきちは おらんか? さだきち、さだきち!」 (Cảnh 1)

(2') Câu dịch của sinh viên: "Mày Sadakichi đang ở đâu? Sadakichi oi."

(2'') Câu dịch mẫu: "Này, Sadakichi đâu rồi? Sadakichi oi."

Đây là lời ông chủ gọi đứa bé giúp việc trong nhà. Dù ở đây không cần từ xưng hô nhưng nhóm dịch đã dùng đại từ nhân xưng ngôi thứ hai "Mày" không đúng chỗ.

Lỗi này còn xuất hiện ở cảnh 9 trong câu 「さだきち、しっかり もて!」 khi ông chủ bảo cậu bé giúp việc có tên Sadakichi bung thang cùng ông. Ở câu này, sinh viên lại một lần nữa dùng thừa từ xưng hô "Mày" trong câu dịch "Mày Sadakichi hãy cầm chặt đi".

Việc sử dụng sai thế này có lẽ là do trong luyện tập tiếng Việt tại lớp, các mẫu hội thoại thường có từ xưng hô đi kèm với tên gọi của người đối thoại, chẳng hạn như "Bạn Uchida", "Cô Loan". Sinh viên có thể vẫn chưa được luyện tập đủ cách sử dụng tên gọi thay cho từ xưng hô như trong tình huống xuất hiện ở trên.

4.2.2 Lỗi ngữ dụng:

(3) Câu trong văn bản nguồn: 「なんという、ながい へんじじゃ。」 (Cảnh 1)

(3') Câu dịch của sinh viên: "Sao mà trả lời dài thế?"

(3'') Câu dịch mẫu: "Sao mà dài giọng ra thế?"

Đây là lời người chủ mắng cậu bé giúp việc vì cậu này thưa "Daaaaaaaa" (tiếng Nhật là 「へエ—————イ!」) khi được ông chủ gọi. Trong tiếng Việt, đôi khi chúng ta cũng bắt gặp cách trả lời kéo dài giọng thế này. Tuy nhiên, "trả lời dài" là cách dịch sai vì nó hàm ý một câu trả lời có nhiều từ, chứ không phải một tiếng "Dạ" được kéo dài giọng.

Sở dĩ có cách dịch sai thế này có lẽ là vì sinh viên bám sát vào câu văn trong văn bản nguồn nhưng lại không xem xét đến ngữ cảnh phát ngôn. Ngoài ra, có lẽ sinh viên còn chưa biết các cách dùng từ đặc biệt như: dài giọng, to mồm,

4.2.3 Chưa nắm vững cách sử dụng ngữ động từ:

(4) Câu trong văn bản nguồn: 「となりのいんきょは、あたまを さげて あやまったか?」 (Cảnh 3)

(4') Câu dịch của sinh viên: "Lão ở ân nhà bên có xin lỗi bằng cách cúi đầu không?"

(4'') Câu dịch mẫu: "Lão già ấy có cúi đầu xin lỗi không?"

Đây là câu người chủ hỏi cậu bé giúp việc về thái độ của người hàng xóm sống sát bên nhà.

Hai hành động あたまをさげる và あやまる được đặt liên tiếp nhau bằng thể ~て nhưng nó không chỉ thứ tự hành động như có thể thấy ở ví dụ 歯を磨いて顔を洗う (đánh răng rồi rửa mặt) mà nó nhấn mạnh vào hành vi "xin lỗi" (あやまる). Trong câu này, "cúi đầu" chỉ cách thức thực hiện hoặc đi kèm theo hành vi "xin lỗi". Chính vì vậy mà sinh viên đã dịch là "xin lỗi bằng cách cúi đầu". Trong tiếng Việt, cách nói "cúi đầu xin lỗi" (tương tự còn có "gật đầu đồng ý", "lắc đầu phản đối", ...) với động từ "cúi đầu" được đặt trước thể hiện sự chân thành, chủ động của người xin lỗi. Ngữ động từ (hoặc còn được gọi là nhóm động từ) này có thể được xem là cách nói thu gọn của "cúi đầu để xin lỗi" với từ "để" chỉ mục đích của hành vi xin lỗi. Việc này cho thấy có thể sinh viên chưa được luyện tập đầy đủ các cách sử dụng khác nhau của ngữ động từ trong tiếng Việt.

4.2.4 Sử dụng sai (thừa) giới từ "với":

(5) Câu trong văn bản nguồn: 「みなさん。よくきてくださった。」 (Cảnh 5)

(5') Câu dịch của sinh viên: “Chào anh chị em, rất vui được gặp với mọi người.”

(5'') Câu dịch mẫu: “Xin chào mọi người!”³

Lỗi này khá phổ biến ở người Nhật học tiếng Việt. Tương tự còn có các cách dùng sai như: “Em đã phỏng vấn với ông giám đốc”, ...

Cách sử dụng sai này được cho là ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ của người học. Trong tiếng Nhật, động từ “gặp” (会う) thường được sử dụng với trợ từ に hoặc と (cả hai trợ từ này đều có nghĩa tương tự như từ “với” trong tiếng Việt). Động từ “phỏng vấn” (インタビューする) cũng cần có trợ từ に đi kèm. Trợ từ に (hoặc と trong trường hợp của động từ 会う) chỉ hướng của hành động hướng đến. Việc quen dùng trợ từ như thế này trong tiếng Nhật có lẽ đã khiến sinh viên luôn mặc định phải có từ “với” đi kèm với các động từ “gặp”, “phỏng vấn”, ...

4.2.5 Sử dụng sai từ xưng hô:

(6) Câu trong văn bản nguồn: 「だんなの さくらの花を かってに おって、わるかった。」 và 「わしも、いんきよの かおの花をひっぱって、わるかった。」 (Cảnh 11)

(6') Câu dịch của sinh viên: “Ta xin lỗi vì ta tùy tiện bẻ cây anh đào của cậu.” và “Ta cũng xin lỗi vì ta nắm chặt mũi của cậu.”

(6'') Câu dịch mẫu: “Xin lỗi vì ta đã tùy tiện bẻ cành anh đào của ông.” và “Ta cũng xin lỗi vì đã nắm chặt mũi⁴ của ông.”

Đây là lời thoại của 2 ông già sống liền nhà nhau nên từ xưng hô ở đây nên là “ông” chứ không phải “cậu” (thường được dùng khi người đối thoại trẻ hơn mình).

Có thể thấy sinh viên còn chưa nắm vững cách sử dụng từ xưng hô trong tiếng Việt.

4.3 Bản dịch “Cùng chơi trò làm mặt xấu nào”

Ở kịch giấy này, sinh viên phạm các lỗi sau:

4.3.1 Dịch sai chủ ngữ:

(7) Câu trong văn bản nguồn: 「わらわないの？ わらうと、たのしいよ」 (Cảnh 1)

(7') Câu dịch của sinh viên: “Sao ông không cười? Nếu ông cười thì mọi người vui lắm.”

(7'') Câu dịch mẫu: “Sao bác không cười ạ, cười là vui lắm đó bác.”

Đây là lời thoại lũ trẻ hỏi ông lật đật (だるまさん) rằng tại sao ông không cười. Lũ trẻ khuyên ông nên cười vì cười sẽ vui lắm. Kết quả “trở nên vui” khi cười có chủ thể là người thực hiện hành vi “cười”, tức ông lật đật chứ không phải mọi người.

Lỗi này còn bắt gặp ở lời thoại sau:

(8) Câu trong văn bản nguồn: 「おかしいなあ。たのしいね。」 (Cảnh 2)

(8') Câu dịch của sinh viên: “Thú vị đấy. Vui về nhi.”

(8'') Câu dịch mẫu: “Buồn cười quá. Vui quá nhi!”

Đây là lời thoại của ông lật đật sau khi phá lên cười vì bị lũ trẻ chọc cười. Câu dịch của sinh viên là sự đánh giá một sự việc, hiện tượng không thuộc hành vi của chủ thể (người nói) nên nó sai. Lỗi dịch sai chủ ngữ này có thể là do sinh viên bắt chước, hoặc cũng có thể do sinh viên chưa nắm rõ ngữ cảnh hội thoại.

4.4 Bản dịch “Đi đâu vậy nhỉ?”

Ở kịch giấy này, sinh viên phạm các lỗi sau:

4.4.1 Dùng sai đại từ chỉ định:

(9) Câu trong văn bản nguồn: 「これ なあに。なんでしょう？」 (Cảnh 1)

(9’) Câu dịch của sinh viên: “Đây là ai nhỉ?”

(9’’) Câu dịch mẫu: “Đây là cái gì? Gì vậy nhỉ?”

これ trong tiếng Nhật chỉ sự vật ở nơi vị trí người nói nên tương ứng với đại từ chỉ định “đây” trong tiếng Việt. Đại từ chỉ định “đây” được sử dụng trong câu dịch của sinh viên thường được dùng để chỉ sự vật không ở vào vị trí của người nói.

Cách dùng sai đại từ chỉ định “đây” thường ít thấy ở sinh viên người Nhật. Trường hợp này có thể là do sự bất cẩn của người dịch hoặc do người dịch chưa lĩnh hội kỹ cách sử dụng.

4.4.2 Chưa dịch được từ tượng thanh, tượng hình:

(10) Câu trong văn bản nguồn: えっさ えっさ、ぴょんどこ ぴょんどこ (Cảnh 7)

(10’) Câu dịch của sinh viên: Vút vút, tung tung.

(10’’) Câu dịch mẫu: Nhanh nhanh, nhảy nhảy. Pyon toko, pyon toko.

えっさ trong tiếng Nhật là một từ tượng thanh chỉ âm thanh phát ra khi một nhóm người cùng dồn lực để nâng, đẩy một vật nặng hoặc là một tiếng hô để lấy đà làm một việc gì đó. Còn ぴょんどこ là một từ tượng hình chỉ hành động nhảy lên theo những bước nhỏ liên tục như thường thấy trong cử động nhảy của loài thỏ. Trong câu dịch của sinh viên, từ “tung tung” đồng nghĩa với “tâng tâng”, là từ gọi tả dáng vẻ liên tiếp bật lên rơi xuống một cách nhẹ nhàng. Vì vậy, từ này có thể được dùng để dịch từ ぴょんどこ ぴょうどこ. Nhưng từ “vút vút” không phản ánh đúng nghĩa của từ えっさ えっさ trong tiếng Nhật. Trong tiếng Việt, “vút” là động từ chỉ sự di chuyển rất nhanh, thẳng một đường và như mất hút ngay đi như trong các cách nói “Lao vút đi như tên bắn”. Hình thức láy của “vút” là “vun vút”. Câu dịch mẫu dùng cách lặp lại tính từ “nhanh” và động từ “nhảy” để diễn đạt từ えっさ えっさ và giữ nguyên từ pyon toko, pyon toko. Câu dịch này chưa gợi ý được một cách dịch hợp lý.

Việc khó hoặc không thể dịch từ tượng thanh, tượng hình trong tiếng Nhật sang tiếng Anh được Makino (2018) giải thích là vì, trong khi tiếng Nhật là một ngôn ngữ thuộc loại hình thính giác – thị giác thì tiếng Anh lại là một ngôn ngữ thuộc loại hình thị giác. Mặc dù trong tiếng Anh cũng có từ tượng thanh nhưng vì việc sử dụng từ tượng thanh thường tạo ấn tượng trẻ con nơi người nghe nên người dịch thường không sử dụng từ tượng thanh khi chuyển ngữ chúng sang tiếng Anh. (Makino 2018: 9-10)

Tiếng Việt dù cũng sở hữu một số lượng tương đối phong phú từ tượng thanh, tượng hình nhưng có lẽ vẫn chưa đáp ứng hết được con số hơn 4000 từ loại này trong tiếng Nhật (Makino 2018: 9). Vì vậy, trong nhiều tình huống, người dịch khó tìm được một từ dịch trong tiếng Việt khớp hoàn toàn với từ trong tiếng Nhật.

4.5 Bản dịch “Ếch bẹp dí”

Ở kịch giấy này, sinh viên phạm các lỗi sau:

4.5.1 Dùng sai ngữ pháp:

- (11) Câu trong văn bản nguồn: そのうえ、みちは ずうっと むこうまで つづいて いるので、いくら はねても、とんでも へいきです。(Cảnh 2)
- (11') Câu dịch của sinh viên: “Hơn nữa con đường xa tí tấp, con ếch xanh có thể nhảy này nhảy kia cũng được.”
- (11'') Câu dịch mẫu: Hơn nữa đường thì trơn trượt đến tận bên kia. Nên có bay, có nhảy bao nhiêu cũng được.”

Trong tiếng Nhật, cấu trúc “いくら + động từ chia ở thể て + も” nhấn mạnh mức độ nhiều của hành động, vì vậy câu dịch đúng phải theo cấu trúc “có + động từ + bao nhiêu cũng được”.

Câu dịch của sinh viên “nhảy này nhảy kia cũng được” biểu thị các hướng nhảy khác nhau mà chú ếch có thể thực hiện, nghĩa là nó chỉ mức độ nhiều của hành động. Có lẽ vì hiểu theo hướng này nên sinh viên đã dùng cấu trúc “(động từ) này (động từ) kia”. Tuy nhiên, văn bản nguồn sử dụng hai động từ khác nhau là はねる (nghĩa là “bật lên”) và とぶ (nghĩa là “nhảy, bay”). Việc không bám sát từ căn dịch như thế này cũng góp phần dẫn đến việc chọn sai cấu trúc ngữ pháp khi dịch.

4.6 Bản dịch “Ếch phình to tướng võ bùng”

Ở kịch giấy này, sinh viên phạm các lỗi sau:

4.6.1 Dịch sai thể khả năng ở động từ ghép:

- (12) Câu trong văn bản nguồn: 「ぼく すいこまれそうに なって、びっくり して にげて きたの。」(Cảnh 2)
- (12') Câu dịch của sinh viên: “Con suýt bị hút vào miệng nó thì thoát được về.”
- (12'') Câu dịch mẫu: “Như là nó uống luôn cả con vào bụng ấy. Con sợ quá nên chạy trốn về đây.”

Câu dịch mẫu chọn cách dịch không bám sát văn bản nguồn nên ở đây chúng tôi không tham khảo. Chúng tôi muốn đề cập đến trật tự được đặt sai “thoát được về” thay vì “thoát về được” hoặc “thoát được về đây/ thoát được về nhà” trong câu dịch của sinh viên.

Có lẽ nếu câu tiếng Nhật là 「にげられた」 không thôi thì sinh viên đã có thể dịch đúng là “thoát được”. Nhưng động từ trong văn bản nguồn 「にげてきた」 lại là một động từ ghép của hai động từ にげる (nghĩa là “thoát, trốn”) và くる (nghĩa là “đến, về”). Động từ ghép kiểu này dường như đã khiến sinh viên bối rối không biết cần đặt từ “được” chỉ thể khả năng ở đâu, trước hay sau động từ “về”.

4.6.2 Chưa dịch được các cách nói ẩn dụ:

- (13) Câu trong văn bản nguồn: おとうさんがえるは、目の たまが、とびでるほど が んばったので。(Cảnh 5)
- (13') Câu dịch của sinh viên: Ếch bó rất cố gắng như nhãn cầu lao ra như bóng bay.
- (13'') Câu dịch mẫu: Ếch bó cố gắng đến lòi cả mắt ra ngoài.

Ở câu dịch của mình, sinh viên đã sử dụng động từ “lao ra” để dịch từ とびでる và danh từ

“bóng bay” để dịch từ (目の) たま . Nếu chỉ xét nghĩa khi xem xét chúng như những từ đơn độc lập thì cách chọn từ dịch này của sinh viên là hợp lý. Song, cách nói 目のたまがとびでる ở đây là một cách nói ẩn dụ ứng với cách nói “lòi cả mắt ra ngoài” trong tiếng Việt. Sinh viên chỉ có thể dịch tốt khi đã từng học qua các lối nói ẩn dụ này.

Câu dịch (13’) của sinh viên đồng thời phạm lỗi dịch sai điểm ngữ pháp “đến nỗi”. ほど trong tiếng Nhật tương đương với cách nói “đến nỗi” trong tiếng Việt, nhưng trong câu dịch của mình, sinh viên dịch là “như”. “Đến nỗi” và “như” đều là cách nói so sánh nhưng cách sử dụng khác nhau. Sinh viên dường như còn chưa nắm vững sự khác nhau trong cách dùng hai lối nói này.

5. Kết luận và đề xuất:

Từ việc nghiên cứu phân tích bản dịch của sinh viên năm thứ ba, thứ tư chuyên ngành tiếng Việt, Khoa ngoại ngữ, Đại học Osaka học kỳ xuân hè năm học 2023, chúng tôi đã nhận diện một số dạng lỗi về mặt nội dung từ cơ bản đến nâng cao bao gồm: lỗi dùng sai ngữ pháp; lỗi dịch từ tượng thanh, tượng hình; lỗi dịch các cách nói ẩn dụ; lỗi dùng sai đại từ chỉ định, từ xưng hô, giới từ; lỗi sử dụng ngữ động từ; lỗi dịch sai chủ ngữ và lỗi ngữ dụng. Các lỗi này chủ yếu xuất phát từ việc thiếu kiến thức về từ vựng, kiến thức ngữ pháp, sự ảnh hưởng tư duy ngôn ngữ trong tiếng mẹ đẻ của người học lên cách sử dụng tiếng Việt, v.v.

Kết quả khảo sát cho thấy, người dịch muốn dịch tốt phải có một vốn kiến thức tổng hợp bao gồm kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa, từ kiến thức phổ thông đến kiến thức chuyên môn. Họ cần phải thông thạo, có vốn từ vựng phong phú, hiểu biết thấu đáo những vấn đề ngôn ngữ học của cả hai ngôn ngữ, hiểu biết những tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ bao gồm cả ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Những hiểu biết đó gắn chặt với tri thức văn hoá về đất nước, con người, lối sống, thói quen, phong tục tập quán của hai cộng đồng ngôn ngữ. Điều này không dễ dàng khi người dịch là các sinh viên năm thứ ba, thứ tư đại học. Càng khó hơn khi văn bản dịch là kịch giấy phục vụ cho đối tượng trẻ nhỏ, đòi hỏi bản dịch phải trong sáng, dễ hiểu, có tính hình tượng cao. Để khắc phục các lỗi về nội dung trong các bản dịch của sinh viên, chúng tôi xin đưa ra một số đề xuất như sau:

+ Củng cố kiến thức của sinh viên về cách sử dụng từ xưng hô đã được học ở năm thứ nhất. Đồng thời giải thích thêm và tạo ngữ cảnh để sinh viên nắm vững cách sử dụng từ xưng hô.

+ Củng cố kiến thức ngữ pháp về cách sử dụng các đại từ chỉ định, ngữ động từ, v.v.

+ Nâng cao kiến thức về cách sử dụng các từ tượng thanh, tượng hình trong tiếng Việt trong sự đối chiếu với tiếng Nhật.

+ Tạo cơ hội để sinh viên được tiếp cận các lối nói ẩn dụ phổ biến trong tiếng Việt, đồng thời tra dồi thêm kiến thức về ngữ dụng học cho họ.

NOTES

- 1 Kamishibai (kịch giấy) là một hình thức kể chuyện qua tranh cho trẻ nghe rất phổ biến ở Nhật Bản. Câu chuyện được lồng vào nhiều bức vẽ với lời kể và lời thoại của các nhân vật thường được in ngay sau bức vẽ để người kể tiện nhìn vào khi kể chuyện. Người kể chuyện lần lượt đặt từng bức vẽ vào

một chiếc khung trống trống như màn hình ti vi hướng về đám trẻ con tụ tập ngay trước mặt.

- 2 Tựa do nhân viên chuyên trách mảng biên dịch của công ty MORE Production Vietnam hiệu đính. MORE Production Vietnam là một công ty chuyên biên dịch và xuất bản sách tranh của Nhật Bản tại thị trường Việt Nam, trụ sở đặt tại Hà Nội.

Cả sáu bản kịch giấy này đều do công ty MORE Production Vietnam cung cấp cho chúng tôi với mục đích sử dụng như tài liệu hướng dẫn biên dịch cho sinh viên trong giờ học tại trường Đại học Osaka. Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của công ty MORE Production Vietnam.

- 3 「よくきてくださった」 nên được dịch là “Cảm ơn mọi người đã đến chung vui với tôi”.
4 Câu dịch đúng hơn nên là: “Ta cũng xin lỗi vì đã kéo mũi ông”.

Tài liệu tham khảo:

Cù Đình Tú

- 1983 “Từ xưng hô của tiếng Việt”, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 257-261.

Đỗ Thúy Hằng

- 2018 “Khảo sát lỗi biên dịch của sinh viên năm thứ ba trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội”, *Tạp chí nghiên cứu nước ngoài*, 34, 1 (2018), 80-90.

堀尾 青史 (脚本)、二俣 英五郎 (画)

- 1975 「ぱんくがえる」「ぺちゃんこがえる」『たのしいイソップ』(作品番号 742-1, 742-2)、童心社。

堀尾 青史 (脚本)、久保 雅勇 (画)

- 1993 『どこへいくのかな?』(作品番号 585)、童心社。

桂 文我 (脚本)、長野 ヒデ子 (絵)

- 2014 『となりのさくら』(作品番号 2175)、童心社。

牧野 誠一

- 2018 『日本語を翻訳するということ』中公新書。

長野 ヒデ子 (脚本・絵)

- 2007 『にらめっこしましょ あっぷっぷ!』(作品番号 1933)、童心社。
2008 『おにぎり おにぎり』(作品番号 1961)、童心社。

Nguyễn Hải Hà, Chu Thị Huyền Mi và Trần Thị Bích Ngọc

- 2015 “Các lỗi thường gặp trong bài dịch của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp tại Khoa Sư phạm tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội”, *Ngôn ngữ và đời sống*, 7 (237), 52-58.

Phan Thị Mỹ Loan

- 2020 “Tình hình biên soạn từ điển Việt-Nhật, Nhật-Việt tại Nhật Bản những năm gần đây”, *Từ điển học và Bách khoa thư học Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, 302-312.